TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 24/2019/HSST
Ngày: 21/5/2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Trọng Khá và ông Huỳnh Khắc Hiếu

Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thái Phong – Kiểm sát viên.

Vào lúc 8 giờ 30 phút ngày 21 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 23/2019/HSST ngày 26 tháng 4 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn G, sinh năm: 1962; Tên gọi khác: Tám mập. Nơi cư trú: đường M, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 5/12; Cha: Nguyễn Đ, sinh năm: 1931; Mẹ: Trần Thị H (Đã chết); Vợ: Công Huyền Tôn Nữ HH, sinh năm 1974 (Đã ly hôn), có 02 con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1997. Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 10/01/2009, bị Cơ quan CSĐT Công an huyện M'Drắc, tỉnh Đắk Lăk khởi tố bị can, ra Quyết định truy nã đối với Nguyễn G về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo khoản 2 Điều 175 BLHS năm 2015.

Bị can bị tạm giam từ ngày 28/02/2019. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Nguyễn Minh H, sinh năm 1984; Trú tại: đường N, phường B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. NLQ1, sinh năm 1958; Trú tại: đường H, xã B, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

2. NLQ2, sinh năm 1966; Trú tại: đường N, phường N, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có mặt tại phiên tòa.

3. NLQ3, sinh năm 1964; Trú tại: đường L, phường H, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Do có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước nên vào khoảng 08 giờ ngày 22/3/2006, Nguyễn G hỏi mượn xe môtô nhãn hiệu Waveα, biển số 78H7-nn của anh Trần Minh H để đi công việc thì được H đồng ý. Sau khi đi công việc xong, G nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh H nên đến ngày 23/3/2006, G mang xe môtô nói trên đến bán cho ông NLQ1 với giá 9.700.000 đồng rồi bỏ trốn. Sau khi mua xe của G, ông NLQ1 bán lại chiếc xe nói trên cho ông NLQ2, ông NLQ2 tiếp tục bán cho ông NLQ3.

Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Tuy Hòa ngày 28/6/2006 kết luận: Xe môtô Waveα biển số 78H7-nn có giá trị 10.000.000 đồng.

Vật chứng vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu 01 xe môtô Waveα, màu đỏ biển số 78H7-nn, số khung HC09E0676726, số máy 9073Y677405; 01 giấy đăng ký xe biển số 78H7-nn mang tên Trần Minh H.

Về dân sự: Người bị hại Trần Minh H đã nhận lại tài sản bị trộm cắp; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Thanh Tuấn đã nhận lại số tiền 11.000.000 đồng từ ông NLQ1 và ông NLQ2 nên không có yêu cầu gì; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ1 yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 5.500.000 đồng và ông NLQ2 yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 4.200.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 30/CT-VKS ngày 25/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo về tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự 1999.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích tính chất và mức độ hành vi phạm tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo tại cáo trạng 30/CT-VKS ngày 25/4/2019 và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS 1999; điểm i, s khoản 1; khoản 2 Điều 51 BLHS 2015 xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/02/2019. Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2; bị cáo phải trả lại số tiền 5.500.000 đồng cho ông NLQ1 và trả lại số tiền 4.200.000 đồng cho ông NLQ2. Về xử lý vật chứng: Chủ sở hữu đã nhận lại tài sản nên không xét.

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo thống nhất thỏa thuận với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan NLQ1, NLQ2 về việc bị cáo trả lại số tiền 5.500.000 đồng cho ông NLQ1 và trả lại số tiền 4.200.000 đồng cho ông NLQ2.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông NLQ1 yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 5.500.000 đồng và ông NLQ2 yêu cầu bị cáo hoàn trả lại số tiền 4.200.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Tuy Hòa, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa. Vì vậy đủ cơ sở để kết luận: Do có mối quan hệ quen biết với nhau từ trước nên vào khoảng 08 giờ ngày 22/3/2006, Nguyễn G hỏi mượn xe môtô nhãn hiệu Waveα, biển số 78H7-nn của anh Trần Minh H để đi công việc thì H đồng ý. Sau khi đi công việc xong thì G nảy sinh ý định chiếm đoạt xe của anh H nên đến ngày 23/3/2006, G mang xe môtô nói trên đến bán cho ông NLQ1 với giá 9.700.000 đồng rồi bỏ trốn. Do đó, hành vi bị cáo Nguyễn G đã phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 Bộ luật Hình sự 1999 như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa đã truy tố và bản luận tội của kiểm sát viên tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét thấy, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo đã lợi dụng sự tin tưởng của bị hại để chiếm đoạt tài sản, sau đó còn lẩn trốn đến địa phương khác gây khó khăn cho công tác điều tra. Do đó, cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Tuy nhiên, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau một thời gian bỏ trốn thì bị cáo đã ra đầu thú khai nhận hành vi phạm tội của mình; Do đó cần áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Đã trả lại cho chủ sở hữu nên không xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa, bị cáo phải hoàn trả cho anh NLQ1 số tiền 5.500.000 đồng và anh NLQ2 số tiền 4.200.000 đồng.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn G phạm tội "Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản".

Áp dụng: điểm a khoản 1 Điều 140 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn G 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 28/02/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh NLQ1 số tiền 5.500.000 (Năm triệu năm trăm ngàn) đồng và anh NLQ2 số tiền 4.200.000 (Bốn triệu hai trăm ngàn) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng phải chịu lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn G phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 485.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Phú Yên;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND Tp Tuy Hòa;
- Công an Tp Tuy Hòa;
- Chi cục THADS Tp. Tuy Hòa;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Thúy Hằng